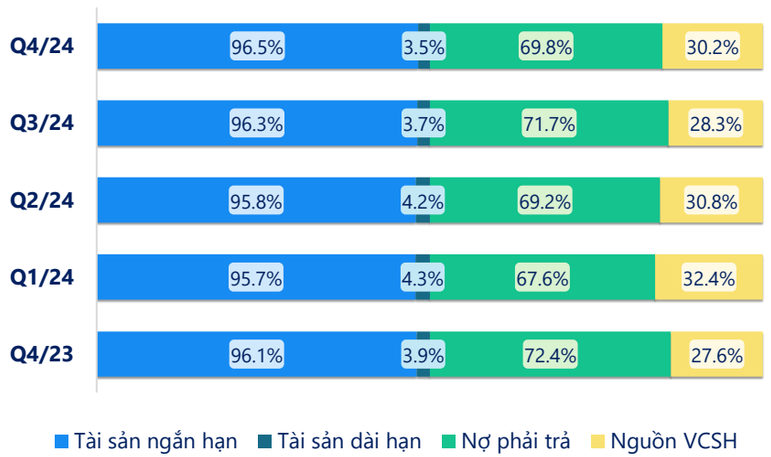
FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	5,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
SL cổ phiếu LH	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,680
% sở hữu nước ngoài	6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
P/E	30.3
EPS	168

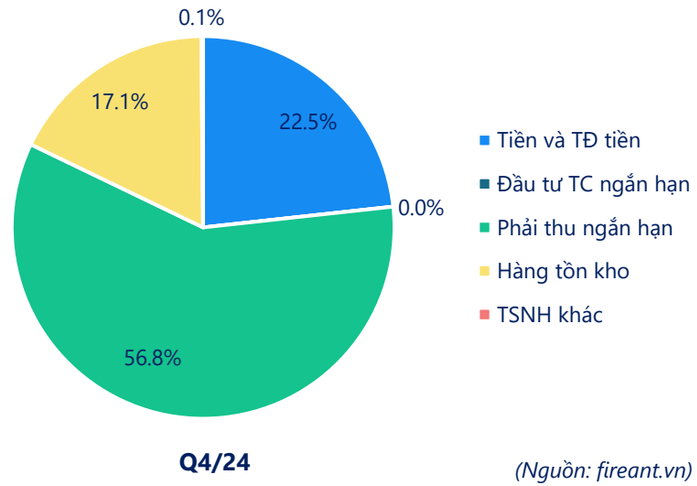
	YTD	1T	3T	6T
ONE	2.0%	-1.9%	-23.9%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



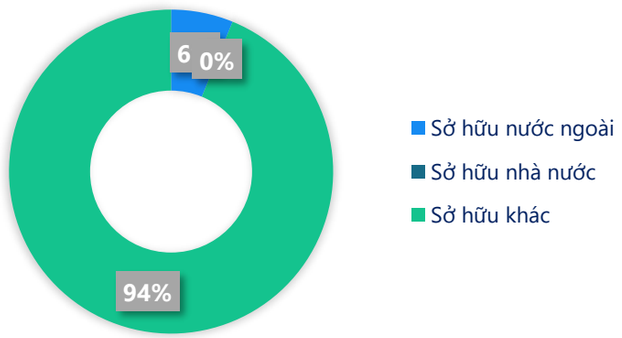
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



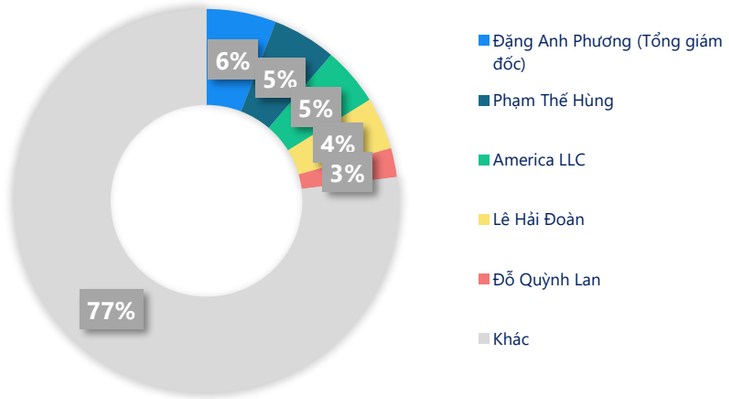
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



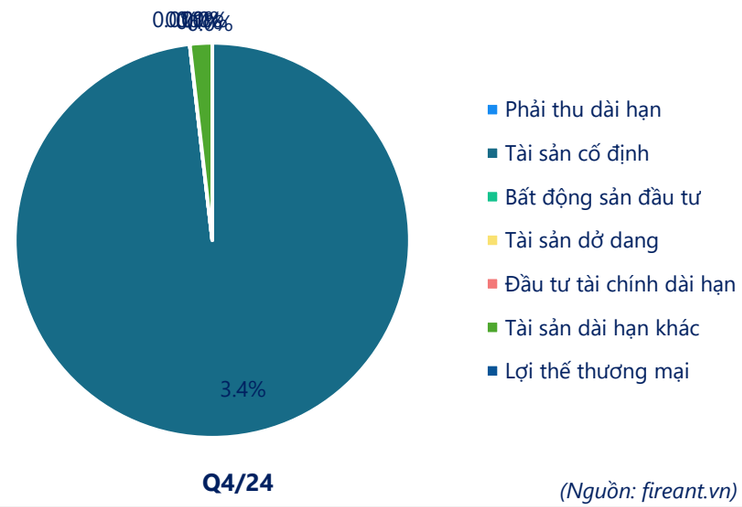
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

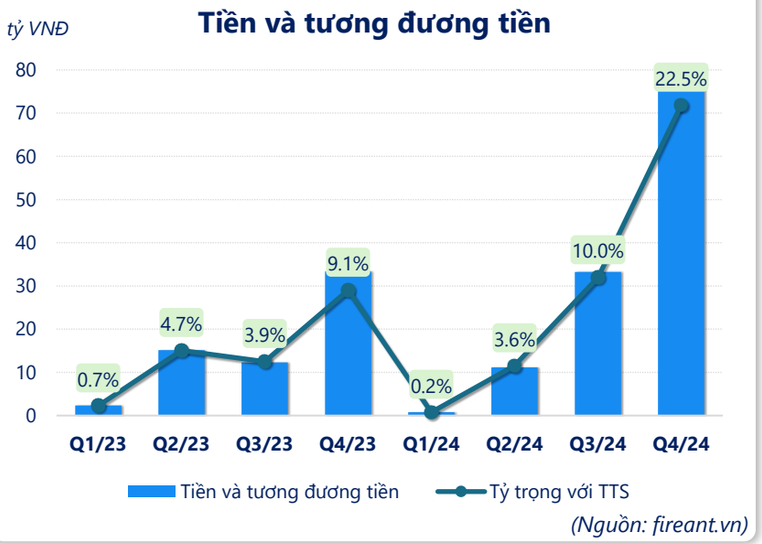


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

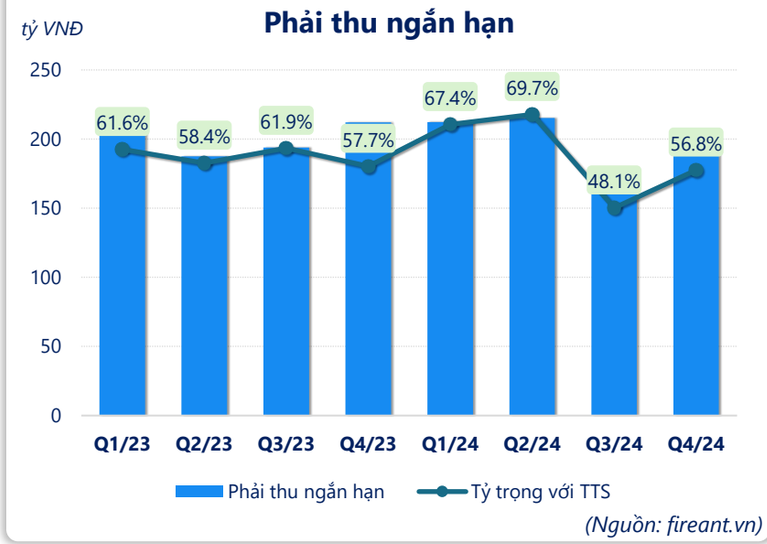
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Tiền và tương đương tiền



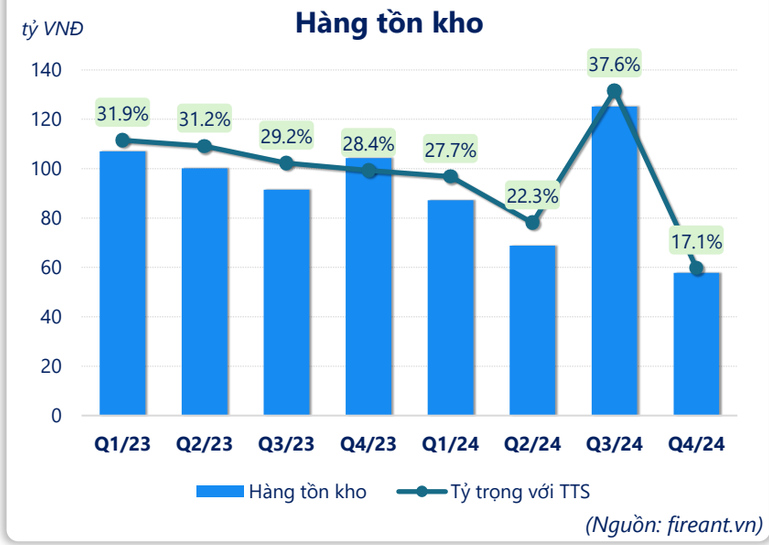
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



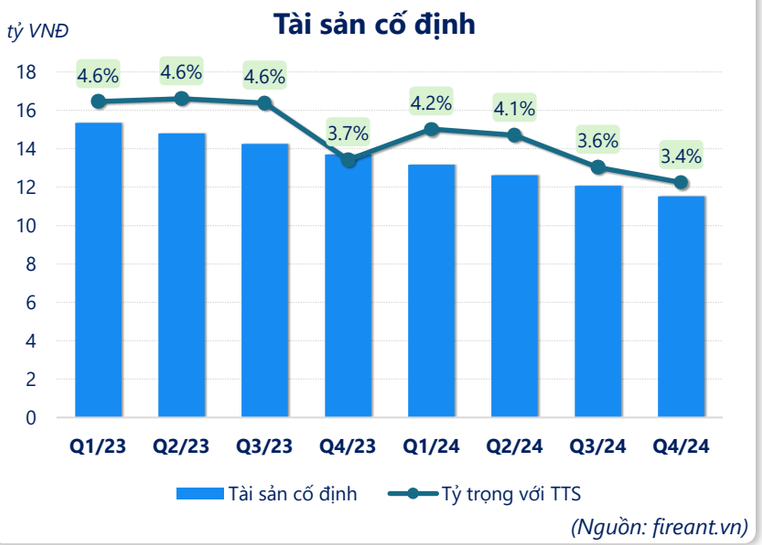
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



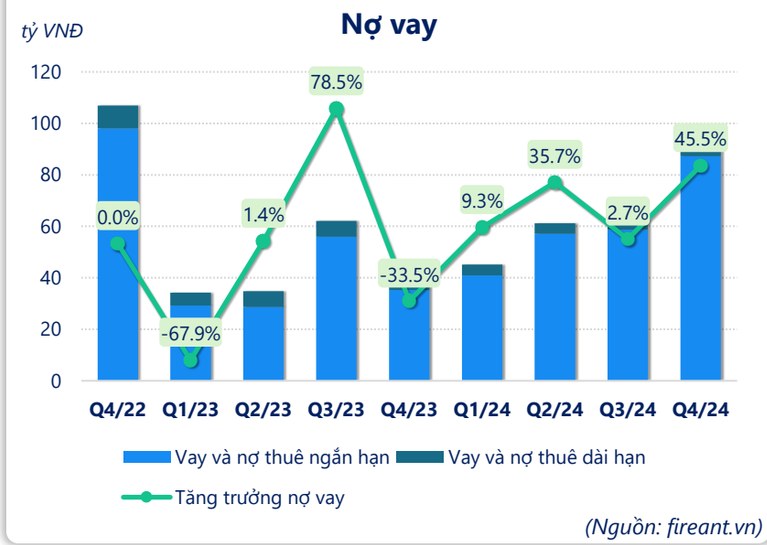
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



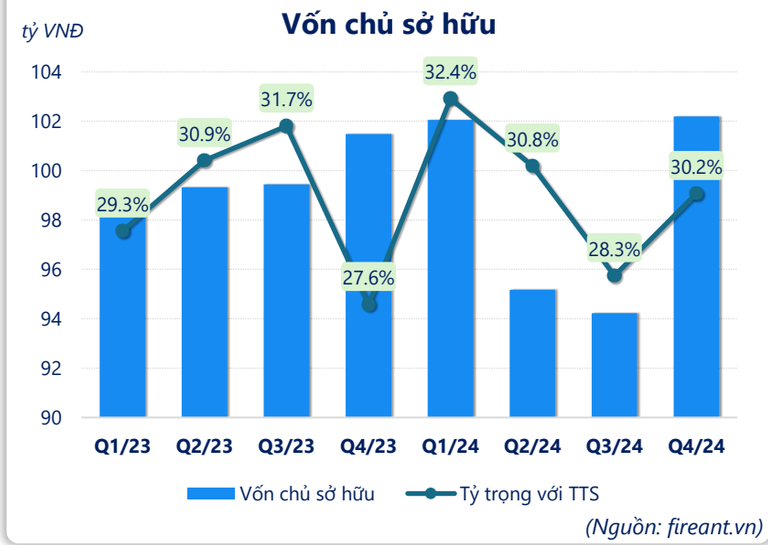
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

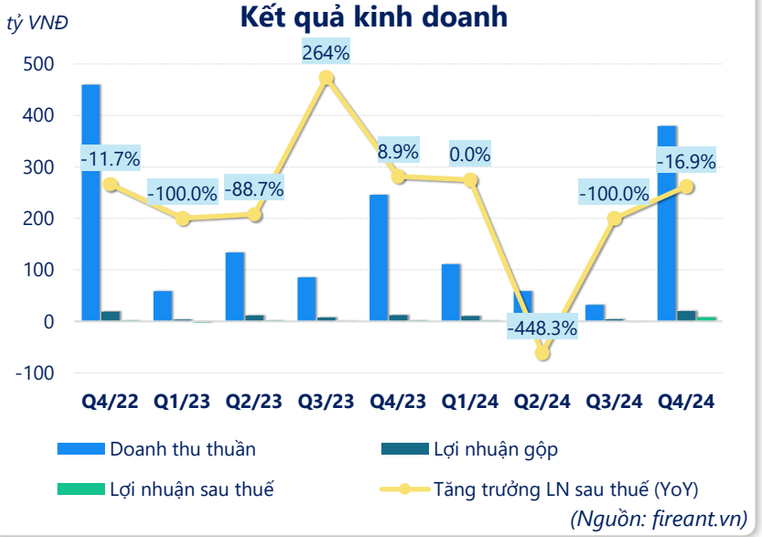


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

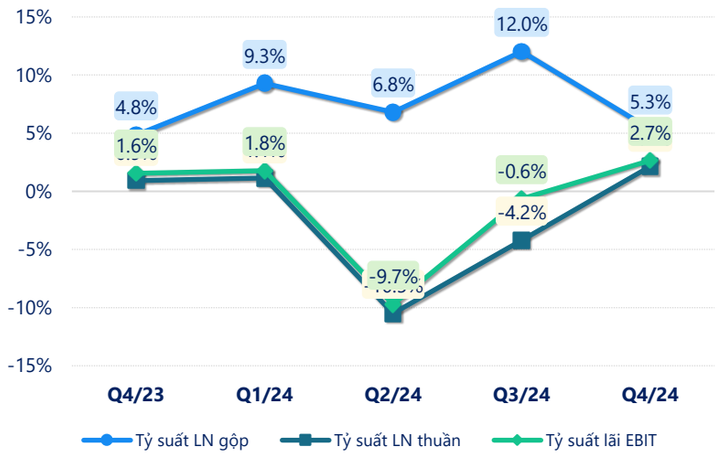
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Kết quả kinh doanh



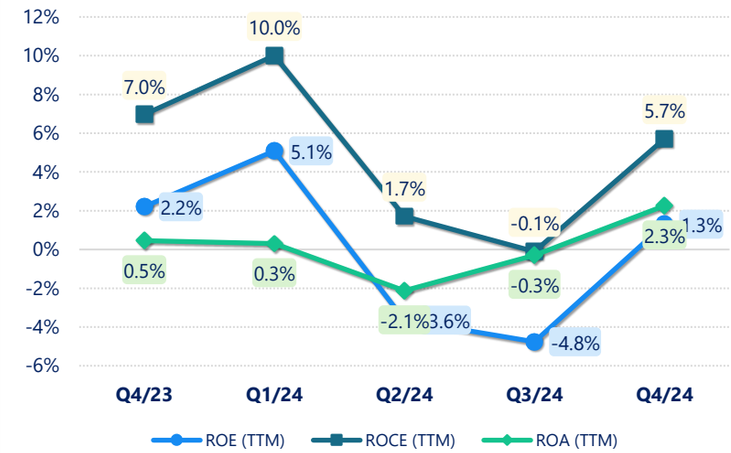
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



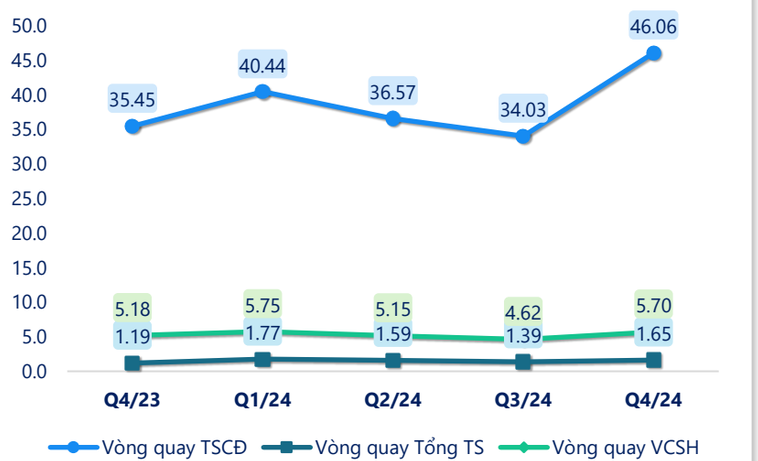
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



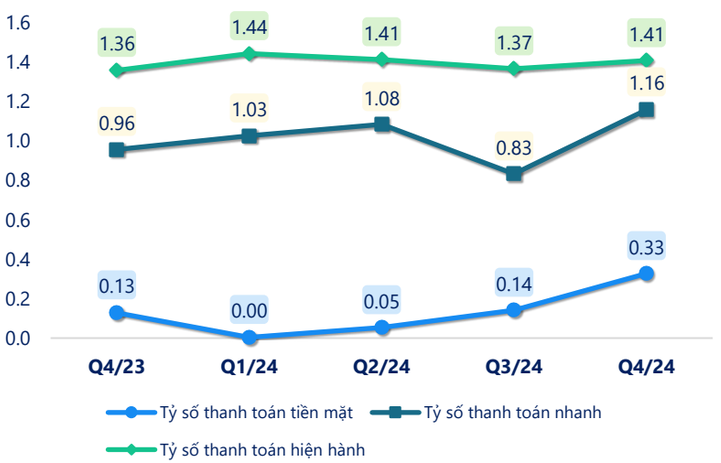
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



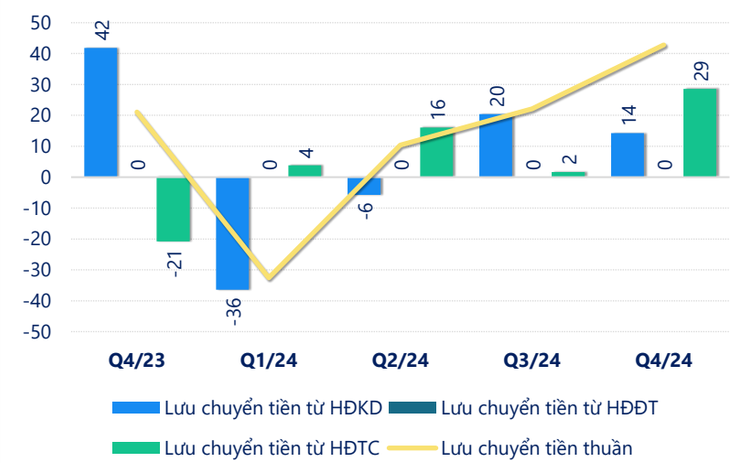
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**339**	**367**	**-7.7%**
Tài sản ngắn hạn	327	353	-7.3%
Tiền và tương đương tiền	76.0	33.3	128%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	192	212	-9.1%
Hàng tồn kho	57.9	104	-44.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	3.40	-85.7%
Tài sản dài hạn	**11.7**	**14.3**	**-17.9%**
Phải thu dài hạn	0	0.10	-100%
Tài sản cố định	11.5	13.7	-16.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.21**	**0.47**	**-54.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	236	266	-11.1%
Nợ ngắn hạn	**232**	**261**	**-11.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.3	36.2	141%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	199	-38.6%
Nợ dài hạn	4.14	5.10	-18.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.14	5.10	-18.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**102**	**101**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**102**	**101**	**1.1%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	246	111	58.7	32.0	379
Giá vốn hàng bán	234	101	54.7	28.1	359
Lợi nhuận gộp	11.9	10.3	4.00	3.85	20.3
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	0.03	0.83	0.01
Chi phí TC	2.44	0.99	3.60	0.88	3.10
Chi phí lãi vay	1.26	0.70	1.26	0.74	1.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.27	0.69	0.51	0.52	0.38
Chi phí QLDN	5.94	7.36	6.08	4.62	8.68
LN thuần từ HĐKD	2.28	1.27	-6.16	-1.34	8.11
Lợi nhuận khác	0.30	0.00	-0.80	0.39	0.31
LN trước thuế	2.58	1.27	-6.96	-0.95	8.43
Lợi nhuận sau thuế	2.03	1.00	-6.69	-0.95	7.97
LNST của CĐ cty mẹ	2.03	1.00	-6.69	-0.95	7.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.9	-36.4	-5.71	20.4	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.8	3.85	16.1	1.64	28.6
Tiền đầu kỳ	12.3	33.3	0.76	11.1	33.2
Lưu chuyển tiền thuần	**21.1**	**-32.6**	**10.4**	**22.1**	**42.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	33.3	0.76	11.1	33.2	76.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic